

Bản án số: 542/2026/DS-PT

Ngày: 17-4-2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trọng Nhân

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Quốc Khánh

Ông Đinh Tiên Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Dương Phát – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 782/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1044/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1993, CCCD số: 080093014332; địa chỉ: Số A, khu Đ-TM-DV Quảng trường xanh, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số H đường N, phường L, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Ngọc Á, sinh năm 1980; địa chỉ: Số A Tổ A KP H, phường P, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy ủy quyền ngày 07/07/2025, có mặt.

2. Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: Số H đường N, phường L, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

**- Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Tấn Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:* Ngày 15/7/2024 ông có cho bà H vay số tiền 1.700.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng đến hết ngày 14/10/2024. Ngày 23/7/2024 ông cho bà H vay tiếp số tiền 2.200.000.000đ, thời hạn vay 02 tháng đến 23/9/2024. Các bên có ký hợp đồng vay mượn được Văn phòng C1 chứng thực. Đến nay quá hạn nhưng bà H vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên.

Do bà H và ông Lê Tấn Đ là vợ chồng nên ông khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H và chồng là ông Lê Tấn Đ liên đới thanh toán cho ông số tiền vay còn nợ là 3.900.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/7/2024 đến ngày xét xử 08/7/2025 với lãi suất 0,83%/tháng là 11 tháng 15 ngày 372.255.000đ, tổng cộng là 4.272.255.000đ

*Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Vũ Ngọc Á trình bày:* Bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B. Bà H thừa nhận có vay của ông B số tiền là 3.900.000.000 đồng, đây là tiền vay riêng cá nhân bà H không liên quan đến ông Lê Tấn Đ chồng bà H, hiện tại vợ chồng bà H đã ly thân. Toàn bộ số tiền vay đã được bà H trả xong cho ông B, bà H đã chuyển khoản vào số tài khoản 19028509460011 của ông Nguyễn Thanh B số tiền 1.086.000.000 đồng, cụ thể đã chuyển vào các ngày 03/08/2024 số tiền 31.000.000 đồng; Ngày 07/08/2024 số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 20/08/2024 chuyển 02 lần số tiền 60.000.000 đồng; Ngày 01/09/2024 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 06/09/2024 số tiền 56.000.000 đồng; Ngày 12/09/2024 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 17/09/2024 chuyển 02 lần số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 27/09/2024 số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 30/09/2024 số tiền 96.000.000 đồng; Ngày 12/10/2024 số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 17/10/2024 số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 05/11/2024 số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 22/11/2024 số tiền 184.000.000 đồng (số tài khoản 060232176868 - S của ông Lương Ngọc H1 là bạn ông B); Ngày 07/12/2024 số tiền 39.000.000 đồng.

Số tiền còn lại bà H trả cho ông B bằng việc cầm giữ các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 937 theo yêu cầu của ông B bà H đã chỉ định giao thửa đất cho ông Phan Văn C là họ hàng của ông B để cầm giữ nợ với số tiền thống nhất là 1.350.000.000 đồng. Trả bằng việc cầm giữ thửa đất 942, đây là thửa đất theo yêu cầu của ông B bà H đã ký giao thửa đất cho ông B cầm giữ nợ với số tiền còn lại.

Bị đơn ông Lê Tấn Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh, đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lê Tấn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh B số tiền gốc 2.998.000.000đ, tiền lãi 237.221.747đ tổng cộng số tiền phải trả 3.235.221.746đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lê Tấn Đ phải chịu 96.704.435 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại cho ông Nguyễn Thanh B số tiền tạm ứng án phí 56.105.192 đồng theo biên lai thu số 0000102 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 03/9/2025, bị đơn ông Lê Tấn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng ông không phải liên đới cùng bà H trả số nợ trên.

Ngày 03/9/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, tại phần tranh luận:

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Vũ Ngọc Á trình bày:* Thứ nhất, việc tranh chấp chỉ liên quan giữa bà H với ông B, không liên quan đến ông Đ, do bà H và ông Đ đã ly thân từ lâu, toàn bộ giao dịch là để bà H lấy tiền kinh doanh riêng, đề nghị Hội đồng xem xét lại người bị kiện có phải là ông Đ hay không. Thứ hai, số tiền vay thực tế ông B đưa bà H là không đúng, chỉ chuyển khoản số tiền 3.466.000.000 đồng. Thứ ba, về việc giao dịch thửa đất 942, đề nghị xem xét lại đã chuyển tiền chưa vì việc chuyển khoản không có chứng cứ chứng minh.

*Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:* Tôi đã giao đủ số tiền, về việc ông Đ thì trong quá trình vay tiền hai người vẫn còn sống chung tại số H N, số tiền chuyển khoản đã sao kê và cung cấp cho Tòa. Chuyển khoản và giao tiền mặt tại Văn phòng công chứng. Việc chuyển khoản đã cung cấp bảng kê và có dấu mộc của Ngân hàng. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H và ông Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lê Tấn Đ thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Bị đơn ông Lê Tấn Đ có đơn kháng cáo và đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Tấn Đ.

Về nội dung vụ án: Ông B, bà H thống nhất nội dung giữa ông B và bà H có ký 02 Hợp đồng mượn tiền ngày ngày 15/7/2024 (BL 57) vay 1.700.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng và Hợp đồng mượn tiền ngày 23/7/2024 (BL 55) vay 2.200.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, đều được công chứng tại VPCC Lê Hữu A. Mục đích vay ghi trong hợp đồng là kinh doanh sân bóng đá mini và dịch vụ ăn uống. Bà H đã chuyển khoản trả số tiền gốc 902.000.000 đồng.

Ông B khởi kiện yêu cầu bà H, ông Đ trả nợ gốc còn lại 2.998.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 15/10/2024.

Bà H cho rằng đã thanh toán phần nợ còn lại bằng cách cản trừ qua các hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ thửa 942 và thửa 937 cho ông B, hiện tại bà không còn nợ ông B. Xét thấy:

+ Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 18/6/2024 tại Văn phòng C1 giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Hoàng K, bà Nguyễn Thị Thu T do bà H là đại diện và bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Thanh B đối với thửa đất 942, giá chuyển nhượng 2 tỷ đồng (BL 75). Hợp đồng chuyển nhượng được lập trước thời điểm ông B và bà H ký 02 hợp đồng vay, có công chứng. Ông B không thừa nhận ký hợp đồng chuyển nhượng là cản trừ tiền vay. Do đó không đủ cơ sở xác định việc cản trừ tiền vay.

+ Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 23/7/2024 tại Văn phòng C1 giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Chí T1, bà Nguyễn Thị Hoài T2 với bên nhận chuyển nhượng là ông Phan Văn C đối với thửa đất 937, giá chuyển nhượng 1 tỷ đồng (BL 70). Thấy rằng các chủ thể kí kết không liên quan đến bà H và ông B. Mặt khác, lời khai của bên nhận chuyển nhượng là ông C trình bày ông B, bà H chỉ là người giới thiệu mua đất, ông C thanh toán tiền nhận chuyển nhượng cho bà H chứ không đưa tiền cho ông B. Ông B không thừa nhận việc có nhận tiền.

+ Ngoài ra, bà H cho rằng chuyển trả 184.000.000 đồng cho ông B thông qua ông H1 (bạn ông B). Tuy nhiên, lời khai của ông Lương Ngọc H1 trình bày đây là giao dịch vay mượn riêng giữa bà H và ông H1, bà H đã chuyển trả ngày 22/11/2024 và ghi nội dung NGUYEN THI NGOC HUONG CHUYEN KHOAN LUONG NGOC HUAN. Ông B không thừa nhận nên không có đủ cơ sở cản trừ số tiền này trong khoản vay của ông B.

Như vậy, bà H không chứng minh được việc dùng tiền chuyển nhượng, chuyển tiền cho ông H1 để cản trừ nợ vay theo Hợp đồng vay của ông B. Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền gốc còn nợ 2.998.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày 15/10/2024 là có căn cứ.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lê Tấn Đ thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn ông Lê Tấn Đ có đơn kháng cáo và đã được Toà án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Tấn Đ.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà H cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết xác định ông Lê Tấn Đ là bị đơn là không đúng vì ông Đ không liên quan đến các khoản vay của bà H. Thấy rằng, theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2025 thì nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lê Tấn Đ thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm xác định ông Đ là bị đơn trong vụ kiện là có căn cứ theo khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H:

[2.1] Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà H trình bày mặt dù bà H vay số tiền 3.900.000.000 đồng nhưng phía nguyên đơn ông B chỉ chuyển khoản số tiền 3.466.000.000 đồng. Thấy rằng, tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà H thừa nhận bà H có ký hai Hợp đồng mượn tiền ngày 15/7/2024 và ngày 23/7/2024 và tại Bản ý kiến tại toà đề ngày 06/8/2025 của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà H trình bày xác định bà H có vay ông B số tiền 3.900.000.000 đồng. Do đó, việc người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà H trình bày mặt dù bà H vay số tiền 3.900.000.000 đồng nhưng phía nguyên đơn ông B chỉ chuyển khoản được tổng số tiền 3.466.000.000 đồng là không có căn cứ.

[2.2] Xét thấy, bị đơn bà H trình bày thừa nhận có vay ông B số tiền 3.900.000.000 đồng và đã chuyển khoản trả trực tiếp số tiền 902.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 22/11/2024 bà H đã chuyển vào tài khoản ông Lương Ngọc H1 số tiền 184.000.000 đồng để trả nợ cho ông B nhưng không được B và ông Lương Ngọc H1 tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2025 thừa nhận và bà H cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh số tiền 184.000.000 đồng chuyển cho ông H1 ngày 22/11/2024 là để trả nợ cho ông B. Do đó, việc bà H trình bày cho rằng ngày 22/11/2024 đã trả cho ông B được số tiền 184.000.000 đồng thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản của ông Lương Ngọc H1 là không có căn cứ.

[2.3] Xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/6/2024 thể hiện bà Nguyễn Thị Ngọc H đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Hoàng K cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thu T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh B thửa đất số 942, tờ bản đồ số 50, diện tích 223,1m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại phường D, thành phố T, tỉnh Long An cũ với số tiền là 2.000.000.000 đồng. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà H trình bày cho rằng bà H đã dùng số tiền 2.000.000.000 đồng của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên trên để cản trừ nợ cho Hợp đồng mượn tiền ngày 15/7/2024 và Hợp đồng mượn tiền ngày 23/7/2024. Lời trình bày trên không được nguyên đơn ông B thừa nhận và phía bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh hai bên có thoả thuận dùng số tiền 2.000.000.000 đồng của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/6/2024 để trả nợ cho Hợp đồng mượn tiền ngày 15/7/2024 và Hợp đồng mượn tiền ngày 23/7/2024. Mặt khác, thấy rằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến

thửa đất số 942, tờ bản đồ số 50, diện tích 223,1m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại phường D, thành phố T, tỉnh Long An được thực hiện vào ngày 18/6/2024, trước ngày bà H vay tiền của ông B (ngày 15/7/2024 và ngày 23/7/2024). Do đó, việc người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà H trình bày đã dùng số tiền 2.000.000.000 đồng của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên để trả nợ cho Hợp đồng mượn tiền ngày 15/7/2024 và Hợp đồng mượn tiền ngày 23/7/2024 là không có căn cứ.

[2.4] Xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/2024 thể hiện ông Nguyễn Chí T1 cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hoàn T3 chuyển nhượng cho ông Phan Văn C thửa đất số 937, tờ bản đồ số 50, diện tích 114,9m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Phường D, thành phố T, tỉnh Long An cũ với số tiền là 1.000.000.000 đồng. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày bà H đã dùng số tiền 1.000.000.000 đồng của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên để trả nợ cho Hợp đồng mượn tiền ngày 15/7/2024 và Hợp đồng mượn tiền ngày 23/7/2024. Lời trình bày của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà H không được nguyên đơn ông B và ông Phan Văn C tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2025 thừa nhận và phía bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh hai bên có thoả thuận dùng số tiền 1.000.000.000 đồng của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên để trả nợ cho Hợp đồng mượn tiền ngày 15/7/2024 và Hợp đồng mượn tiền ngày 23/7/2024. Mặt khác, thấy rằng tại Bản ý kiến tại toà đề ngày 06/8/2025 thì người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà H trình bày số tiền cần trừ là 1.350.000.000 đồng, mâu thuẫn với lời trình bày của mình tại phiên toà. Do đó, việc bị đơn bà H trình bày đã dùng số tiền 1.000.000.000 của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên để số nợ còn lại của Hợp đồng mượn tiền ngày 15/7/2024 và Hợp đồng mượn tiền ngày 23/7/2024, là không có căn cứ.

[3] Xét thấy, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà H trình bày ngoài số tiền chuyển khoản trực tiếp 902.000.000 đồng và chuyển khoản qua tài khoản ông Lương Ngọc H1 số tiền 184.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H trả cho ông B bằng việc cần trừ các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến các thửa đất 937 và thửa đất 942. Mặc dù Toà án cấp sơ thẩm có tiến hành lấy lời khai ông Lương Ngọc H1, ông Phan Văn C nhưng không tiến hành lấy lời khai ông Nguyễn Chí T1, bà Nguyễn Thị Hoàn T3, ông Nguyễn Hoàng K và bà Nguyễn Thị Thu T và đưa những cá nhân trên vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, trường hợp huỷ án và đưa những người nêu trên vào tham gia tố tụng cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án.

Trường hợp các bên có tranh chấp liên quan đến việc chuyển tiền ngày 22/11/2024; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/6/2024 liên quan đến thửa đất số 942, tờ bản đồ số 50, diện tích 223,1m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại phường D, thành phố T, tỉnh Long An và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/2024 liên quan đến thửa đất số 937, tờ bản đồ số 50, diện tích 114,9m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Phường D, thành phố T, tỉnh Long An thì có thể khởi kiện tranh chấp bằng một vụ kiện khác

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H. Quan điểm phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Tấn Đ mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Tấn Đ1.t

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lê Tấn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh B số tiền gốc 2.998.000.000 đồng, tiền lãi 237.221.747 đồng, tổng cộng số tiền phải trả 3.235.221.747 (ba tỷ, hai trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi mốt nghìn, bảy trăm bốn mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lê Tấn Đ phải liên đới chịu 96.704.435 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H2 lại ông Nguyễn Thanh B 56.105.192 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000102 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003886 ngày 05/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Ông Lê Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0003887 ngày 05/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ông Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 1 – Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Trọng Nhân**